



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ II NĂM 2023**

Đà Nẵng, tháng 7 năm 2023

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (30/06/2023)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.611.425.040.830</b>	<b>1.602.874.533.011</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>25.038.150.232</b>	<b>24.500.930.736</b>
1 . Tiền	111	V.1	25.038.150.232	17.500.930.736
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>228.740.964.000</b>	<b>139.255.000.000</b>
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	228.740.964.000	139.255.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>425.052.815.518</b>	<b>460.474.879.436</b>
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	412.247.706.911	447.460.848.580
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.296.480.999	13.934.866.168
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.342.860.000	2.751.260.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.875.756.954	4.054.277.249
5 . Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(5.709.989.346)	(7.726.372.561)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>830.308.159.864</b>	<b>934.557.972.407</b>
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	850.720.715.229	987.079.062.487
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.412.555.365)	(52.521.090.080)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>102.284.951.216</b>	<b>44.085.750.432</b>
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	10.113.783.559	9.128.137.752
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	92.166.901.953	34.953.346.976
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	4.265.704	4.265.704

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (30/06/2023)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>759.736.284.055</b>	<b>791.788.014.279</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.227.320.545</b>	<b>10.651.446.545</b>
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	5.857.150.000	7.614.280.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	3.370.170.545	3.037.166.545
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>685.625.905.390</b>	<b>702.843.197.952</b>
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	683.559.304.711	700.375.819.420
- Nguyên giá	222		2.015.631.422.006	1.984.326.610.724
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.332.072.117.295)	(1.283.950.791.304)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.066.600.679	2.467.378.532
- Nguyên giá	228		12.593.614.322	12.593.614.322
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.527.013.643)	(10.126.235.790)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>812.800.000</b>	<b>13.816.482.196</b>
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	812.800.000	13.816.482.196
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>17.542.559.947</b>	<b>16.359.634.355</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.592.536.598	15.409.611.006
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.805.678.651)	(6.805.678.651)
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	V.9	<b>46.527.698.173</b>	<b>48.117.253.231</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		43.784.561.347	41.043.750.562
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.743.136.826	7.073.502.669
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.371.161.324.885</b>	<b>2.394.662.547.290</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chính hợp nhất này

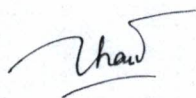
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (30/06/2023)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)</b>
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.549.578.424.140</b>	<b>1.510.140.242.880</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.307.579.694.109</b>	<b>1.236.578.952.675</b>
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	203.164.723.331	247.458.763.604
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.123.054.244	13.225.730.141
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	43.213.727.523	34.928.852.934
4 . Phải trả người lao động	314		279.011.424.862	311.860.046.804
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	7.855.169.380	5.896.536.953
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		671.891.627	-
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	26.665.061.616	24.333.865.250
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	645.443.425.422	530.686.157.557
9 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	82.431.216.104	68.188.999.432
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>241.998.730.031</b>	<b>273.561.290.205</b>
1 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		3.512.912.296	4.882.461.916
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	238.485.817.735	268.678.828.289
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>821.582.900.745</b>	<b>884.522.304.410</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>821.582.900.745</b>	<b>884.522.304.410</b>
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.027.080.000	300.030.750.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		360.027.080.000	300.030.750.000
2 . Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.300.280.000	1.752.940.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		206.579.950.294	178.026.784.321
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		212.023.990.806	362.110.088.453
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	421a		130.217.361.690	98.761.374.269
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		81.806.629.116	263.348.714.184
5 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		39.651.599.645	42.601.741.636
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.371.161.324.885</b>	<b>2.394.662.547.290</b>

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023**

**Mẫu B 02a – DN/HN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2023	năm 2022	năm 2023	năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.040.156.868.232	1.242.672.048.329	2.312.081.272.974	2.587.796.919.620
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		172.528.913	49.309.035	2.153.820.497	110.489.859
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.039.984.339.319	1.242.622.739.294	2.309.927.452.477	2.587.686.429.761
4. Giá vốn hàng bán	11		950.651.295.135	1.094.094.505.127	2.107.786.118.174	2.283.767.335.413
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		89.333.044.184	148.528.234.167	202.141.334.303	303.919.094.348
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	19.596.333.508	15.242.847.337	36.865.478.028	30.455.489.943
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	16.749.249.081	14.515.749.249	30.925.667.086	24.144.268.735
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		9.508.066.787	5.224.517.789	18.527.376.381	9.768.444.608
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	24		1.124.020.941	699.057.775	1.825.725.592	910.306.519
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	18.438.156.491	36.457.497.448	38.847.834.687	70.043.777.500
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	35.729.309.151	37.422.760.659	71.824.638.287	74.297.849.648
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21 - 22)+24-(25 + 26)]	30		39.136.683.910	76.074.131.923	99.234.397.863	166.798.994.927
12. Thu nhập khác	31	VI.6	4.603.210.313	2.467.069.796	5.759.591.645	3.960.621.321
13. Chi phí khác	32	VI.7	225.287.032	88.170.043	4.880.303.858	708.857.422
14. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32)	40		4.377.923.281	2.378.899.753	879.287.787	3.251.763.899
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		43.514.607.191	78.453.031.676	100.113.685.650	170.050.758.826
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.577.688.949	15.392.710.437	14.223.554.356	28.852.814.612
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		683.432	-	4.330.365.843	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		33.936.234.810	63.060.321.239	81.559.765.451	141.197.944.214
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		34.544.698.368	60.594.758.532	81.806.629.116	133.368.239.691
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(608.463.558)	2.465.562.707	(246.863.665)	7.829.704.523
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	2.595	3.398
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 07 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>100.113.685.650</b>	<b>170.050.758.826</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		62.540.707.583	62.948.909.906
- Các khoản dự phòng	03		(34.124.917.930)	258.054.048
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.917.562.631	8.206.591.988
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(8.240.340.061)	(3.784.661.859)
- Chi phí lãi vay	06		18.527.376.381	9.768.444.608
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động ( 08 = 01+02+03+04+05+06 )</b>	<b>08</b>		<b>142.734.074.254</b>	<b>247.448.097.517</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.369.687.771)	(51.341.094.196)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		136.358.347.258	(15.878.123.808)
- Tăng, giảm các khoản phải trả( không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(21.404.373.283)	11.244.058.969
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.770.261.818)	(3.395.231.415)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(18.558.921.153)	(10.003.157.174)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.993.045.087)	(23.435.311.104)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		308.719.131	56.290.577
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.595.409.575)	(9.686.482.506)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>177.709.441.956</b>	<b>145.009.046.860</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (Tiếp theo)**

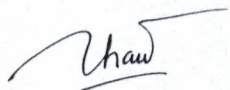
**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(54.684.675.967)	(61.809.550.421)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		305.126.873	646.852.693
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(139.740.964.000)	(140.066.440.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		52.420.530.000	35.480.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		5.542.789.956	2.230.307.539
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(136.157.193.138)</b>	<b>(163.518.830.189)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.828.042.294.245	1.970.446.054.130
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.748.887.933.567)	(1.952.567.292.823)
3. Cổ tức, lợi tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(120.169.390.000)	(26.100.728.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(41.015.029.322)</b>	<b>(8.221.967.193)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>537.219.496</b>	<b>(26.731.750.522)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>24.500.930.736</b>	<b>58.586.417.754</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>25.038.150.232</b>	<b>31.854.667.232</b>

Đà Nẵng, Ngày 19 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**I. Đặc điểm hoạt động:**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp:**

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của Tổng công ty và các công ty con trong toàn tập đoàn, bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần Thời Trang Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An
- Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Duy Xuyên
- Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây Dựng Hòa Thọ



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

**1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**2. Đơn vị tiền tệ kế toán:**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Tổng công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:**

**1. Cơ sở hợp nhất:**

**1.1. Công ty con:**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**1.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát:**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**1.3. Công ty liên kết:**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**1.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết này.

**2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:**

\* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

\* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

\* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

**10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:**

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
  - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
  - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
  - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam**

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền mặt tại quỹ	165.656.300	167.344.719
– VND	165.656.300	167.344.719
Tiền gửi ngân hàng	24.872.493.932	17.333.586.017
– VND	11.363.659.956	12.017.258.814
– USD	13.508.833.976	5.316.327.203
Tương đương tiền	-	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>25.038.150.232</u></b>	<b><u>24.500.930.736</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính:**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

	<b>30/06/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
<b>- Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	228.740.964.000	228.740.964.000	139.255.000.000	139.255.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>228.740.964.000</u></b>	<b><u>228.740.964.000</u></b>	<b><u>139.255.000.000</u></b>	<b><u>139.255.000.000</u></b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(2.739.953.753)	4.000.000.000	(3.436.524.490)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	8.904.490.351	6.428.000.000	8.418.135.496
<b>Cộng</b>	<b>10.428.000.000</b>	<b>6.164.536.598</b>	<b>10.428.000.000</b>	<b>4.981.611.006</b>

**\* Đầu tư vào đơn vị khác**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	(505.678.651)	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>7.755.702.000</b>	<b>(6.805.678.651)</b>	<b>7.755.702.000</b>	<b>(6.805.678.651)</b>

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
<b>Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	195.605.997	282.518.169
Mua hàng hóa và dịch vụ	42.816.160.711	48.819.297.093
<b>Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.087.156.990	800.093.448
Mua hàng hóa và dịch vụ	47.464.198.691	45.639.919.086
<b>Công ty mẹ - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.075.751.455	1.194.684.759
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.249.426.911	10.155.490.644

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:****a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	139.003.293.271	139.903.797.596
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	98.146.028.337	91.560.398.308
<i>Các khách hàng khác</i>	175.098.385.303	215.996.652.676
<b>Tổng cộng</b>	<b>412.247.706.911</b>	<b>447.460.848.580</b>

**b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh</i>	216.158.500	-
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	231.798.040	159.181.030
<b>Tổng cộng</b>	<b>447.956.540</b>	<b>159.181.030</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Các khoản phải thu khác:****a, Phải thu ngắn hạn khác:**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	953.168.893	-	1.107.894.840	-
Ký cược, ký quỹ	272.043.000	-	104.481.000	-
Phải thu khác	5.650.545.061	-	2.841.901.409	-
<b>Cộng</b>	<b>6.875.756.954</b>	<b>-</b>	<b>4.054.277.249</b>	<b>-</b>

**b, Phải thu dài hạn khác:**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Kí quỹ bảo đảm đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Nhà Máy May Triệu Phong"	2.450.000.000	-	2.450.000.000	-
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	920.170.545	-	587.166.545	-
<b>Cộng</b>	<b>3.370.170.545</b>	<b>-</b>	<b>3.037.166.545</b>	<b>-</b>

**c, Phải thu về cho vay ngắn hạn:**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	2.342.860.000	-	2.342.860.000	-
- Các bên khác	-	-	408.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.342.860.000</b>	<b>-</b>	<b>2.751.260.000</b>	<b>-</b>

**d, Phải thu về cho vay dài hạn:**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	5.857.150.000	-	7.028.580.000	-
- Các bên khác	-	-	585.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.857.150.000</b>	<b>-</b>	<b>7.614.280.000</b>	<b>-</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Hàng tồn kho:**

	<b>30/06/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Hàng mua đang đi đường	114.895.635.770	(9.569.546.324)	57.520.651.683	(4.022.010.507)
Nguyên vật liệu	198.596.387.073	(6.904.693.308)	293.527.557.391	(34.039.865.021)
Công cụ dụng cụ	3.163.838.514	-	508.599.016	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	410.634.355.951	(1.418.282.238)	416.214.620.311	(4.356.132.106)
Thành phẩm	48.540.480.467	(2.082.829.827)	54.011.314.325	(9.657.502.023)
Hàng hóa	5.853.606.971	(437.203.668)	6.259.266.067	(445.580.423)
Hàng gửi đi bán	69.036.410.483	-	159.037.053.694	-
<b>Cộng</b>	<b>850.720.715.229</b>	<b>(20.412.555.365)</b>	<b>987.079.062.487</b>	<b>(52.521.090.080)</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Tài sản cố định hữu hình:**

Nhóm						
Chỉ tiêu	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2023	468.086.301.287	1.316.153.913.583	87.471.651.025	9.536.080.162	103.078.664.667	1.984.326.610.724
Mua mới trong năm	794.849.608	4.620.896.106	1.078.922.043	120.950.000	379.260.727	6.994.878.484
Chuyển từ XDCB dở dang	64.932.744	38.202.488.750	17.309.817	-	-	38.284.731.311
Phân loại lại tài sản	(2.038.695.707)	2.038.695.707	-	-	-	-
Thanh lý	-	(12.129.479.537)	(1.006.443.783)	-	(838.875.193)	(13.974.798.513)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>466.907.387.932</b>	<b>1.348.886.514.609</b>	<b>87.561.439.102</b>	<b>9.657.030.162</b>	<b>102.619.050.201</b>	<b>2.015.631.422.006</b>
<b>Giá trị đã hao mòn</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2023	199.043.420.649	942.321.345.190	47.533.822.535	7.785.939.029	87.266.263.901	1.283.950.791.304
Khấu hao trong kỳ	12.150.789.670	42.158.598.340	4.300.336.514	347.338.173	3.139.061.807	62.096.124.504
Phân loại lại tài sản	(2.038.695.707)	2.038.695.707	-	-	-	-
Thanh lý	-	(12.129.479.537)	(1.006.443.783)	-	(838.875.193)	(13.974.798.513)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>209.155.514.612</b>	<b>974.389.159.700</b>	<b>50.827.715.266</b>	<b>8.133.277.202</b>	<b>89.566.450.515</b>	<b>1.332.072.117.295</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2023	269.042.880.638	373.832.568.393	39.937.828.490	1.750.141.133	15.812.400.766	700.375.819.420
Số dư tại ngày 30/06/2023	257.751.873.320	374.497.354.909	36.733.723.836	1.523.752.960	13.052.599.686	683.559.304.711

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 203 có các tài sản có nguyên giá 827.314 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định vô hình:**

	<b>Phần mềm</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2023	12.593.614.322
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>12.593.614.322</b>
<b>Khấu hao</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2023	10.126.235.790
Tăng trong kỳ	400.777.853
Giảm trong kỳ	-
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>10.527.013.643</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.467.378.532
Số dư tại ngày 30/06/2023	2.066.600.679

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 8.371 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
+ Đầu tư thiết bị nhà máy sợi	-	13.367.742.196
+ Đầu tư thiết bị CNTT	724.300.000	-
+ Các công trình khác	88.500.000	448.740.000
<b>Cộng</b>	<b>812.800.000</b>	<b>13.816.482.196</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước:**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.113.783.559	9.128.137.752
<b>b. Dài hạn:</b>		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	43.784.561.347	41.043.750.562
<b>Cộng</b>	<u><b>53.898.344.906</b></u>	<u><b>50.171.888.314</b></u>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn:**

- *Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:*

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
HULTAFORS GROUP AB	15.065.463.375	41.205.311.087
KWONG LUNG ENTERPRISE CO.,LTD	5.041.906.263	12.736.138.715
Các nhà cung cấp khác	183.057.353.693	193.517.313.802
	<u><b>203.164.723.331</b></u>	<u><b>247.458.763.604</b></u>

**\* Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.322.992.963	5.023.685.489
- Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam	9.107.494.155	18.462.790.590
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>14.430.487.118</b></u>	<u><b>23.486.476.079</b></u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:**

**a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:**

	01/01/2023	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	30/06/2023
Các loại thuế khác	4.265.704	-	-	-	-	4.265.704
<b>Cộng</b>	<b>4.265.704</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.265.704</b>

**b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:**

	01/01/2023	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	30/06/2023
Thuế GTGT bán hàng nội địa	3.766.804.205	57.746.231.151	(14.907.929.117)	(22.670.900.707)	-	23.934.205.532
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.024.009.075	(9.024.009.075)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	56.980.038	2.549.189.503	(2.604.978.068)	-	-	1.191.473,00
Thuế thu nhập DN	30.336.893.961	14.223.554.356	(30.993.045.087)	-	-	13.567.403.230
Thuế thu nhập cá nhân	768.174.730	7.371.159.367	(5.782.917.046)	-	-	2.356.417.051
Các loại thuế khác	-	3.679.051.864	(324.541.627)	-	-	3.354.510.237
<b>Cộng</b>	<b>34.928.852.934</b>	<b>94.593.195.316</b>	<b>(63.637.420.020)</b>	<b>(22.670.900.707)</b>	<b>-</b>	<b>43.213.727.523</b>

**c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:**

	01/01/2023	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	30/06/2023
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	34.953.346.976	108.930.170.217	(29.042.565.835)	(22.670.900.707)	(3.148.698)	92.166.901.953
<b>Cộng</b>	<b>34.953.346.976</b>	<b>108.930.170.217</b>	<b>(29.042.565.835)</b>	<b>(22.670.900.707)</b>	<b>(3.148.698)</b>	<b>92.166.901.953</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in (VP)</i>	899.938.535	1.922.413.784
<i>Chi phí lãi vay</i>	391.985.080	423.529.852
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	3.637.687.039	2.748.208.017
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng, thực phẩm, hoa hồng (đơn vị may)</i>	2.925.558.726	769.365.300
<i>Các chi phí khác</i>	-	33.020.000
<b>Cộng</b>	<b>7.855.169.380</b>	<b>5.896.536.953</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác:**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<i>Kinh phí công đoàn</i>	17.406.276.222	15.626.312.053
<i>Lãi cổ tức phải trả</i>	1.517.892.600	1.132.452.600
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	7.740.892.794	7.575.100.597
<b>Cộng</b>	<b>26.665.061.616</b>	<b>24.333.865.250</b>

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	30/06/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	68.698.991.458	101.562.134.210	54.683.765.541	21.820.622.789
+ Ngân hàng 2	49.193.694.200	212.151.026.504	221.574.229.024	58.616.896.720
+ Ngân hàng 3	59.395.545.413	170.421.338.092	111.025.792.679	-
+ Ngân hàng 4	-	-	44.392.085.507	44.392.085.507
+ Ngân hàng 5	316.579.787.425	1.165.757.675.739	1.164.360.243.442	315.182.355.128
+ Ngân hàng 6	40.614.416.625	81.754.048.008	41.139.631.383	-
+ Ngân hàng 7	82.972.330.963	102.996.389.171	68.399.343.901	48.375.285.693
+ Ban liên lạc hưu trí	270.000.000	-	30.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>617.724.766.084</b>	<b>1.834.642.611.724</b>	<b>1.705.605.091.477</b>	<b>488.687.245.837</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**b, Vay dài hạn:**

	30/06/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	29.248.841.972	65.543.317	22.237.938.667	51.421.237.322
+ Ngân hàng 2	5.000.000.000	-	5.000.000.000	10.000.000.000
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	202.066.975.763	978.738.879	3.379.354.083	204.467.590.967
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	2.170.000.000	-	620.000.000	2.790.000.000
<b>Cộng</b>	<b>238.485.817.735</b>	<b>1.044.282.196</b>	<b>31.237.292.750</b>	<b>268.678.828.289</b>

**c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:**

	30/06/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	27.718.659.338	18.111.899.149	32.392.151.531	41.998.911.720
<b>Cộng</b>	<b>27.718.659.338</b>	<b>18.111.899.149</b>	<b>32.392.151.531</b>	<b>41.998.911.720</b>

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty và các công ty con.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>140.963.518.580</b>	<b>234.646.810.143</b>	<b>1.176.340.000</b>	<b>40.761.999.959</b>	<b>653.798.668.682</b>
- Tăng vốn trong năm	63.780.750.000	-	(64.357.350.000)	576.600.000	-	-
- Phân bổ vào các quỹ	-	37.063.265.741	(37.063.265.741)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	263.348.714.184	-	4.721.137.906	268.069.852.090
- Cổ tức	-	-	(23.625.000.000)	-	(2.551.000.000)	(26.176.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(10.839.820.133)	-	(330.396.229)	(11.170.216.362)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>300.030.750.000</b>	<b>178.026.784.321</b>	<b>362.110.088.453</b>	<b>1.752.940.000</b>	<b>42.601.741.636</b>	<b>884.522.304.410</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>300.030.750.000</b>	<b>178.026.784.321</b>	<b>362.110.088.453</b>	<b>1.752.940.000</b>	<b>42.601.741.636</b>	<b>884.522.304.410</b>
- Tăng vốn trong năm	59.996.330.000	-	(61.543.670.000)	1.547.340.000	-	-
- Phân bổ vào các quỹ	-	28.553.165.973	(28.553.165.973)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	81.806.629.116	-	(246.863.665)	81.559.765.451
- Cổ tức	-	-	(120.012.300.000)	-	(1.957.962.000)	(121.970.262.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(21.783.590.790)	-	(745.316.326)	(22.528.907.116)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>360.027.080.000</b>	<b>206.579.950.294</b>	<b>212.023.990.806</b>	<b>3.300.280.000</b>	<b>39.651.599.645</b>	<b>821.582.900.745</b>

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2023	01/01/2023
Vốn góp của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	222.742.050.000	185.618.380.000
Vốn góp của các đối tượng khác	137.285.030.000	114.412.370.000
<b>Cộng</b>	<b>360.027.080.000</b>	<b>300.030.750.000</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***c, Cổ phiếu:**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:**

	<u>Quỹ khen thưởng phúc lợi</u>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>68.188.999.432</b>
Trích lập trong năm từ lợi nhuận thuần	22.528.907.116
Tăng khác trong kỳ	308.719.131
Sử dụng trong kỳ	(8.595.409.575)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>82.431.216.104</b>

**17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:**• **Ngoại tệ các loại:**

	<u>30/06/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Nguyên tệ	VNĐ	Nguyên tệ	VNĐ
<b>USD</b>	576.891,12	13.508.833.976	227.195,66	5.316.327.203

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
+ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	2.306.230.480.655	2.584.033.679.428
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.850.792.319	3.763.240.192
<b>Cộng</b>	<b>2.312.081.272.974</b>	<b>2.587.796.919.620</b>

**b, Các khoản giảm trừ doanh thu:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chiết khấu thương mại	1.821.604.478	-
Hàng bán bị trả lại	332.216.019	110.489.859
<b>Cộng</b>	<b>2.153.820.497</b>	<b>110.489.859</b>

**2. Giá vốn hàng bán:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Giá vốn bán hàng và gia công hàng may mặc	2.138.009.689.239	2.282.698.778.177
Giá vốn dịch vụ khác	1.884.963.650	1.222.793.095
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.108.534.715)	(154.235.859)
<b>Cộng</b>	<b>2.107.786.118.174</b>	<b>2.283.767.335.413</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***3. Doanh thu hoạt động tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ứng trước	5.941.487.596	2.062.307.539
Chiết khấu thanh toán	17.885.125	3.633.014
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.738.105.307	28.221.549.390
Lợi nhuận được chia	168.000.000	168.000.000
<b>Cộng</b>	<b>36.865.478.028</b>	<b>30.455.489.943</b>

**4. Chi phí tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chi phí lãi tiền vay	18.527.376.381	9.768.444.608
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	8.480.728.074	5.872.522.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.917.562.631	8.206.591.988
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	296.709.522
<b>Cộng</b>	<b>30.925.667.086</b>	<b>24.144.268.735</b>

**5. Chi phí bán hàng:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chi phí nhân viên	2.802.908.718	2.543.308.280
Chi phí vật liệu, bao bì	318.924.275	318.104.990
Chi phí dụng cụ đồ dùng	949.365.015	727.463.579
Chi phí khấu hao TSCĐ	474.171.118	490.255.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.404.863.873	58.537.511.646
Chi phí bằng tiền khác	6.897.601.688	7.427.133.757
<b>Cộng</b>	<b>38.847.834.687</b>	<b>70.043.777.500</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chi phí nhân viên	38.874.380.363	36.170.100.769
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.463.447.760	1.269.258.207
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.319.896.050	4.829.233.183
Thuế, phí và lệ phí	3.408.741.629	6.573.102.587
Chi phí dự phòng khó đòi	(2.016.383.215)	176.297.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.098.723.324	10.788.910.811
Chi phí bằng tiền khác	14.675.832.376	14.490.947.091
<b>Cộng</b>	<b>71.824.638.287</b>	<b>74.297.849.648</b>

**7. Thu nhập khác:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	305.126.873	644.047.801
Các khoản thu khác	5.454.464.772	3.316.573.520
<b>Cộng</b>	<b>5.759.591.645</b>	<b>3.960.621.321</b>

**8. Chi phí khác:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Các khoản chi khác	4.880.303.858	708.857.422
<b>Cộng</b>	<b>4.880.303.858</b>	<b>708.857.422</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.168.217.678.466	1.257.236.801.046
Chi phí nhân công	615.777.284.883	723.801.647.342
Chi phí khấu hao TSCĐ	62.540.707.583	62.948.909.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.590.912.252	351.225.039.774
<b>Cộng</b>	<b>2.115.126.583.184</b>	<b>2.395.212.398.068</b>

**10. Báo cáo bộ phận:**

Một bộ phận là một phần không thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác .

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)

**Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***a) Bộ phận theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Tổng công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Thụy Điển
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Các vùng địa lý khác

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng

	Trung Quốc		Hoa Kỳ		Thụy Điển		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	6T2023	6T2022	6T2023	6T2022	6T2023	6T2022	6T2023	6T2022	6T2023	6T2022	6T2023	6T2022	6T2023	6T2022	6T2023	6T2022
Tổng doanh thu của bộ phận	736.896	729.349	525.315	573.722	206.994	231.927	277.744	214.108	48.473	217.286	95.731	225.162	420.928	396.243	2.312.081	2.587.797
Kết quả kinh doanh của bộ phận	44.896	47.623	62.188	56.120	12.034	10.209	22.621	14.433	1.029	47.421	45.483	72.847	13.890	55.267	202.141	303.919
Thu nhập không phân bổ															38.691	31.366
Chi phí không phân bổ															141.598	168.486
Kết quả từ hoạt động kinh doanh															99.234	166.799
Thu nhập khác															5.760	3.961
Chi phí khác															4.880	709
Thuế TNDN															18.554	28.853
Lợi nhuận thuần sau thuế															81.560	141.198

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***b) Bộ phận theo hoạt động kinh doanh**

Tổng công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực kinh doanh là:

\* May mặc

\* Sợi

ĐVT: 1.000.000 đồng

	May mặc		Sợi		Loại trừ nội bộ		Hợp nhất	
	6T 2023	6T 2022	6T 2023	6T 2022	6T 2023	6T 2022	6T 2023	6T 2022
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.840.901	1.921.519	471.180	666.278	-	-	2.312.081	2.587.797
Doanh thu giữa các bộ phận	76.303	61.639	18.652	25.760	(94.955)	(87.399)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.917.204	1.983.158	489.832	692.038	(94.955)	(87.399)	2.312.081	2.587.797
Kết quả kinh doanh của bộ phận	197.881	180.702	4.260	123.217	-	-	202.141	303.919
Doanh thu tài chính							36.865	30.455
Chi phí tài chính							30.926	24.144
Phần lãi trong công ty liên kết							1.826	910
Chi phí không phân bổ							110.671	144.342
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							879	3.252
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ							100.114	170.051
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							14.224	28.853
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							4.330	-
Lợi nhuận thuần sau thuế							81.560	141.198



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

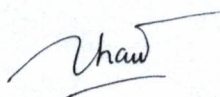
ĐVT: 1.000.000 đồng

	May mặc		Sợi		Hợp nhất	
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
Tài sản của bộ phận phân bổ	1.526.231	1.623.073	470.494	546.423	1.996.725	2.169.496
Giá trị còn lại của tài sản không phân bổ					374.436	225.167
Tổng tài sản					2.371.161	2.394.663
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	916.446	940.382	340.597	295.337	1.257.043	1.235.719
Các khoản nợ không phân bổ					292.536	274.421
Tổng nợ phải trả					1.549.579	1.510.140

	May mặc		Sợi		Hợp nhất	
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
Chi tiêu vốn					54.685	136.921
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					62.096	126.342
Khấu hao tài sản cố định vô hình					401	788

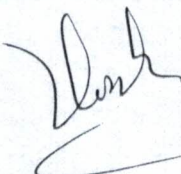
Đà Nẵng, Ngày 19 tháng 07 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải